TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 4 – 2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Mã Thị Kim H**; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 14 ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S (Bà H vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Ông Lâm T**; Sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 54 ấp B, xã V, huyện T, tỉnh S (Ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Mã Thị Kim H trình bày:

Bà với ông Lâm T tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và cũng trong năm 2013 ông bà đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 10 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn thì ông bà sinh sống bên nhà cha mẹ bà H ở số 14 ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S. Hai người chung sống đến tháng 8 năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp tính tình nên thường xuyên cự cãi làm cho

cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2013 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà H với ông T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Mã Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lâm T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm T không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 16/TB-TLVA ngày 06 tháng 02 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lâm T nhưng ông Lâm T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị Kim H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Lâm T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lâm T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Mã Thị Kim H ly hôn với ông Lâm T. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Mã Thị Kim H và ông Lâm T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông T mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H và ông T.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Mã Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Lâm T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Mã Thị Kim H với ông Lâm T là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống đến tháng 8 năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp tính tình nên tH xuyên cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2013 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Mã Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với ông Lâm T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà H trình bày bà và ông T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Thị Kim H.

- Về hôn nhân: Bà Mã Thị Kim H được quyền ly hôn với ông Lâm T.

- Về con chung: Bà Mã Thị Kim H trình bày bà và ông Lâm T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mã Thị Kim H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Mã Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006621 ngày 12/01/2023

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Mã Thị Kim H đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND xã T, huyện M, tỉnh S;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân